

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 29 tháng 10, 2026

Xem thêm



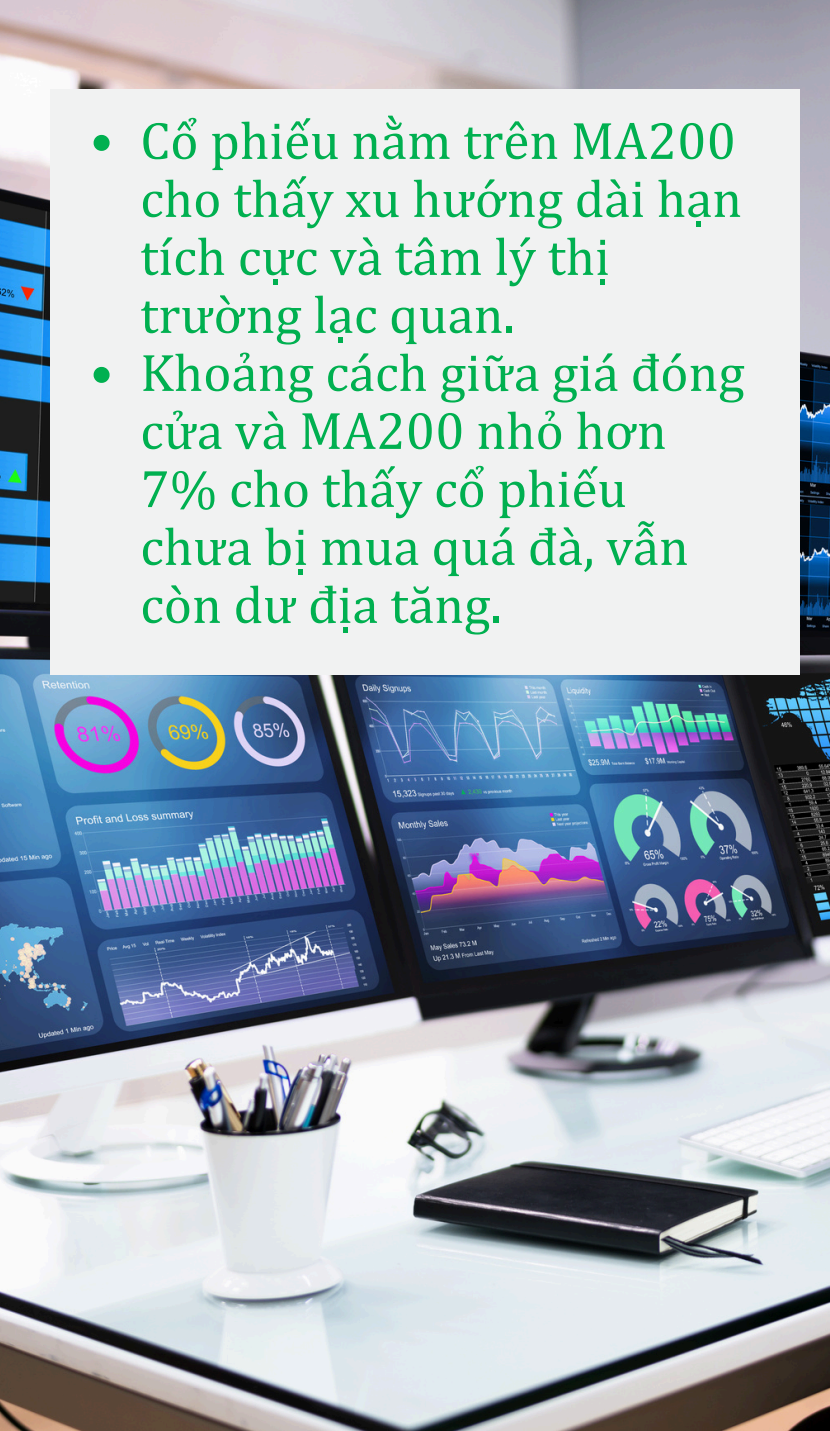
Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	DGW	28/10/2026	42.35	5.944.200	1.684.390	3.53
2	GIL	28/10/2026	9.41	535.500	161.733	3.31
3	OCB	28/10/2026	10.7	5.281.900	1.829.857	2.89
4	VGC	28/10/2026	43.4	1.862.900	760.303	2.45
5	MZG	28/10/2026	11	2.268.400	929.363	2.44
6	TCM	28/10/2026	16.3	1.787.300	809.240	2.21
7	VGT	28/10/2026	12	1.293.400	586.000	2.21
8	TPB	28/10/2026	13	27.404.100	12.489.380	2.19
9	TLG	28/10/2026	53	533.700	252.100	2.12
10	FPT	28/10/2026	54	13.225.800	6.255.390	2.11
11	VCG	28/10/2026	15.75	4.365.100	2.123.290	2.6
12	SZC	28/10/2026	20.1	865.900	422.857	2.5
13	VPL	28/10/2026	88.9	1.883.700	955.773	1.97
14	TNG	28/10/2026	19.7	1.715.800	894.010	1.92
15	KSB	28/10/2026	13.75	1.178.800	642.693	1.83
16	VCB	28/10/2026	57.5	6.453.700	3.542.240	1.82
17	GMD	28/10/2026	54	2.522.500	1.412.820	1.79
18	DPG	28/10/2026	30.95	749.500	429.087	1.75
19	MWG	28/10/2026	76	4.790.800	2.770.620	1.73
20	FRT	28/10/2026	147	1.018.300	613.123	1.66
21	CSV	28/10/2026	23.6	821.000	498.253	1.65
22	ORS	28/10/2026	15.3	5.563.700	3.375.303	1.65
23	VDS	28/10/2026	10.45	872.100	545.070	1.6
24	BSI	28/10/2026	27.9	532.200	336.820	1.58
25	HDB	28/10/2026	22.85	23.919.700	15.369.583	1.56
26	BVB	28/10/2026	10.6	2.160.000	1.422.183	1.52
27	HDC	28/10/2026	11.5	2.116.900	1.463.980	1.45
28	VPI	28/10/2026	58.1	2.407.700	1.750.353	1.38
29	TCB	28/10/2026	33.5	25.101.000	18.139.790	1.38



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAA	28/10/2026	7.26	927.630	53.17	07.08	2.51
2	ACB	28/10/2026	21.35	10.181.100	57.2	21.28	0.31
3	BSR	28/10/2026	28.75	7.704.500	44.84	26.92	6.78
4	DCL	28/10/2026	46.3	672.940	48.58	44.4	4.27
5	DGW	28/10/2026	42.35	1.609.390	37.51	42.05	0.72
6	HCM	28/10/2026	23.45	2.833.600	42.34	23.04	1.76
7	MSN	28/10/2026	74.2	4.403.430	59.94	73.4	1.1
8	MST	28/10/2026	8.7	1.026.830	31.63	8.55	1.81
9	NAB	28/10/2026	12.65	2.352.910	61.1	11.95	5.86
10	NKG	28/10/2026	12.15	5.611.260	75.56	12.07	0.7
11	TCB	28/10/2026	33.5	18.165.940	55.44	32.26	3.85
12	TNG	28/10/2026	19.7	1.288.330	66.37	18.77	4.93
13	VGC	28/10/2026	43.4	1.013.420	49.29	42.1	03.09
14	VGT	28/10/2026	12	604.770	60.67	11.72	2.39
15	VJC	28/10/2026	131.5	991.750	58.87	131.26	0.18
16	VPI	28/10/2026	58.1	2.219.250	56.78	55.07	5.51
17	VPL	28/10/2026	88.9	1.093.890	70.71	83.93	5.92



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	MSB	16	15.75	9.147.250

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	CTD	68	67.5	539.550
2	HSG	11.1	11.1	3.575.940
3	NKG	12.15	12.05	5611260
4	PLC	21.8	21.7	337.920
5	TNG	19.7	19.4	1.288.330
6	TPB	13	13	18.797.380
7	VPL	88.9	87	1.093.890

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	APG	3.82	3.8	176.340
2	BMS	10.6	10.4	29.050
3	BTP	6.62	6.5	23.880
4	CMG	19.05	19	260.510
5	DDB	8.2	8	18.240
6	ELC	11.2	10.85	552.280
7	FPT	54	53.9	6.946.110
8	HLD	11.7	11.1	15.120
9	KOS	4.8	4.8	348.030
10	KSF	73.6	66.5	89.820
11	PAS	01.08	01.07	374.880
12	PPT	7.3	7.3	64.340
13	TDH	2.68	2.62	29.490
14	TIG	5.1	4.9	1.132.900
15	TTF	1.14	1.13	968.070
16	TTN	11.2	10.7	13.330
17	VTK	29.1	28	10.070

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BMS	10.6	11.2	29.050
2	BTP	6.62	6.65	23.880
3	CMG	19.05	19.15	260.510
4	CTR	67.3	67.7	133.080
5	DDB	8.2	8.3	18.240
6	ELC	11.2	11.25	552.280
7	FOC	59.7	59.9	12.710
8	FPT	54	55.4	6.946.110
9	HCD	5.86	5.91	24.490
10	HLD	11.07	11.9	15120
11	HSL	7.38	7.5	253.030
12	KSF	73.6	73.8	89.820
13	MST	8.7	8.8	1026830
14	MZG	11	11.5	1327490
15	ODE	45.1	45.2	20.220
16	PDB	20.1	20.49	23.330
17	PPT	7.3	8.1	64340
18	PSI	7.5	7.6	80880
19	SEA	48.1	49.65	13.380
20	TIG	5.1	5.2	1132900
21	TTN	11.2	11.3	13330
22	VTK	29.1	29.2	10070



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	MSN	74.2	73.4	4.403.430
2	NKG	12.15	12.07	5.611.260

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BAF	30.15	30.5	1.878.440
2	BVH	69.8	69.43	854.940
3	CTG	30.7	30.58	7996930
4	DRI	14.5	14.46	1.332.700
5	FCN	10.9	10.88	506.260
6	PVD	18.8	18.61	3.846.400
7	TCM	16.3	15.95	858.560
8	VPI	58.1	58.04	2.219.250

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	BVB	10.6	10.49	1.626.170
2	GEX	23.1	22.85	8.761.170
3	HAH	50.6	50.26	596950
4	HBC	3.1	3.7	567.640
5	HDB	22.85	22.27	15.070.440
7	VCB	57.5	56.65	3460600
8	VND	13.45	13.43	9150720
9	VNM	58.2	57.83	1509650

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	MZG	11	11.05	1.327.490
2	VOS	11.7	11.07	958.930
3	VTO	10.75	10.79	524120

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AMV	1.1	1.18	663.930
2	BCM	39.8	40.44	682.790
3	DBC	15.9	16.05	1801790
4	DGW	42.35	43.97	1.609.390
5	EIB	16.65	16.7	7.181.680
6	LDG	2.52	2.54	695.530

Phá vỡ các đường trung bình

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAS	10	10.13	2.677.940
2	DXS	4.88	4.98	2.715.530
3	GAS	77.7	78.58	813850
4	HCM	23.45	23.63	2.833.600
5	HQC	1.91	1.95	1.562.930
7	SHB	10.65	10.66	35107592
8	VCK	27.45	27.53	1622820
9	VGC	43.4	44.19	1013420



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	NAF	28/10/2026	48	47.5	48.7	2.53	243,860
2	SJD	28/10/2026	14.3	13.75	14.35	4.36	95,460
3	VTZ	28/10/2026	20.3	20	20.9	4.5	1,081,660
4	TCL	28/10/2026	29.1	28.5	29.8	4.56	28,820
5	ODE	28/10/2026	45.1	45.1	47.2	4.66	19,440
6	NCT	28/10/2026	83	82.1	86.3	5.12	12,880
7	CLX	28/10/2026	13.2	12.7	13.4	5.51	12,840
8	GDT	28/10/2026	15.95	15.4	16.25	5.52	6,520
9	DSN	28/10/2026	36.95	35.5	37.5	5.63	6,420
10	VSH	28/10/2026	41.3	40.6	42.94	5.76	11,560
11	DHG	28/10/2026	87.3	86.55	91.96	6.25	10,620
12	NTC	28/10/2026	127.8	120.33	128.5	6.79	9,440
13	INN	28/10/2026	35.3	35	37.4	6.86	9,740
14	VNR	28/10/2026	17.9	17.4	18.6	6.9	9,160
15	DVP	28/10/2026	74.5	72.08	77.2	7.1	7,240
16	VNF	28/10/2026	12.7	12.5	13.4	7.2	8,800
17	CLL	28/10/2026	26.45	26.45	28.36	7.22	5,120
18	HTI	28/10/2026	18.8	17.9	19.2	7.26	12,220
19	SCG	28/10/2026	65	62.3	67	7.54	24,440
20	QTP	28/10/2026	11.2	10.6	11.4	7.55	341,260
21	HVT	28/10/2026	23.6	22.7	24.5	7.93	13,020
22	MCM	28/10/2026	25.5	25.1	27.1	7.97	32,420
23	NBB	28/10/2026	17.2	16.04	17.8	8.54	17,980
24	TIP	28/10/2026	15.8	15.5	16.85	8.71	27,780
25	VIP	28/10/2026	10.1	9.55	10.4	8.9	82,040
26	TBC	28/10/2026	31	30.1	32.79	8.94	9,420
27	HTG	28/10/2026	35.4	32.55	35.5	09.06	21,700



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Hoàng Ngọc Quyền

Chuyên viên phân tích

Email: quyenhn@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115